

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép thực hiện các đề tài NCKH sinh viên thường niên
trong năm học 2024-2025 do Trường hỗ trợ kinh phí

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17/9/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Chương V “Hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên” quy định về việc Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên, ban hành theo Quyết định số 2311/QĐ-MĐC, ngày 25/12/2023;

Căn cứ Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022 về việc ban hành Quy định về quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ của trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Thông báo số 524/TB-MĐC ngày 20/9/2024 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc triển khai thực hiện Nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2024-2025 (Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 38) và kết quả đăng ký tham dự NCKH SV từ các Khoa;

Theo đề nghị của các ông (bà) Trưởng phòng Khoa học Công nghệ và Trưởng các Khoa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép 253 đề tài NCKH sinh viên thường niên (có danh mục kèm theo) được thực hiện trong năm học 2024-2025. Kinh phí hỗ trợ cho việc thực hiện mỗi đề tài là **2.600.000đ** (bằng chữ: Hai triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn) trong đó **2.000.000đ** dành cho sinh viên thực hiện nghiên cứu và **600.000đ** dành cho giáo viên hướng dẫn. Các đề tài được tổ chức thực hiện, nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy chế hiện hành.

Điều 2. Kinh phí thực hiện cho 253 đề tài trên được trích từ nguồn thu dịch vụ khác của Nhà trường.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các Khoa, Bộ môn, phòng Khoa học Công nghệ và phòng Kế hoạch Tài chính, các sinh viên, cán bộ hướng dẫn có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PHT (để phối hợp chỉ đạo);
- HUMG e-OFFICE;
- Đoàn TNCS HCM Trường;
- Lưu: HCTH, KHTC, CTCT-SV, KHCN.



GS.TS Trần Thanh Hải

TT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
154	Một số bài toán thực tế của đạo hàm và vi phân	Nguyễn Tiến Khởi	2321050038	Công nghệ thông tin B_K68	Lê Bích Phượng
		Đỗ Gia Linh	2421000009	Hóa dược_K69	
		Nguyễn Lê Ngọc Linh	2421000007	Hóa dược_K69	
		Nguyễn Quỳnh Anh	2421020192	Du lịch địa chất_K69	
155	Một số bài toán của thống kê ứng dụng	Nguyễn Văn Chung	2321050024	Công nghệ thông tin B_K68	Nguyễn Thị Hằng
		Cao Thị Hương Ly	2421000015	Hóa dược_K69	
		Nguyễn Diệu Loan	2421000026	Hóa dược_K69	
		Trịnh Ngọc Hân	2421020091	Du lịch địa chất_K69	
156	Nghiên cứu tiềm năng phát triển du lịch địa chất khu vực Hà Nội	Bùi Thị Thu Hiếu	2321020068	Du lịch địa chất_K68	Ngô Thị Kim Chi
		Trần Bùi Khánh Linh	2321020025	Du lịch địa chất_K68	
		Nguyễn Thùy Linh	2321020110	Du lịch địa chất_K68	
		Vũ Thị Ngát	2321020011	Du lịch địa chất_K68	
157	Bằng chứng về hoạt động kiến tạo hiện đại khu vực phía nam Quảng Nam dựa trên kết quả định tuổi ESR	Nguyễn Thị Kim Thoa	2321020021	Địa chất học_K68	Nguyễn Quốc Hưng
		Cao Xuân Bách	2321020080	Địa chất học_K68	
		Nguyễn Thị Ngọc Ánh	2321020040	Địa chất học_K68	
158	Ứng dụng tổ hợp các chỉ số địa mạo trong nghiên cứu kiến tạo hiện đại. Lấy ví dụ khu vực	Trần Lăng Dũng	2321020034	Địa chất học_K68	Vũ Anh Đạo
		Nguyễn Thị Ngọc Khánh	2321020112	Địa chất học_K68	
159	Nhận dạng và phân vùng các Tài nguyên du lịch phục vụ phát triển du lịch địa chất tại Hà Giang	Nông Thị Lan Anh	2321020090	Du lịch địa chất_K68	Phan Văn Bình
		Vang Thị Huế	2321020082	Du lịch địa chất_K68	
		Trịnh Thu Hà	2321020027	Du lịch địa chất_K68	
		Phan Thị Khánh Quỳnh	2321020119	Du lịch địa chất_K68	
160	Định hướng sử dụng quét mã QR trong việc tích hợp các thông tin dữ liệu địa chất cho các	Tạ Anh Quân	2221020067	Du lịch địa chất_K67	Phan Văn Bình
		Hoàng Thùy Trang	2221020111	Du lịch địa chất_K67	
161	Đánh giá tiềm năng và vai trò của các hang động cho phát triển của loại hình du lịch địa chất từ đó xây dựng chương trình du lịch địa chất tại Công viên địa chất Non nước Cao Bằng	Nguyễn Thị Minh Thư	2121020056	Du lịch địa chất_K66	Phan Văn Bình
162	Đặc điểm hang động núi lửa Công viên địa chất Đắc Nông và giải pháp bảo tồn phát triển du lịch bền vững	Đặng Xuân Nhi (trưởng nhóm)	2221020048	Du lịch địa chất_K67	Nguyễn Hữu Hiệp
		Nguyễn Thị Thúy	2321020065	Du lịch địa chất_K68	
		Nguyễn Thị Phương Anh	2321020009	Du lịch địa chất_K68	
		Nguyễn Trung Thành	2221020055	Du lịch địa chất_K67	
163	Đặc điểm trầm tích tầng mặt vùng biển Tây Nam và nhận diện nguy cơ tai biến địa chất, môi trường	Bùi Trà My (trưởng nhóm)	2221020019	Địa chất học_K67	Nguyễn Hữu Hiệp
		Đoàn Tiến Đạt	2221020076	Địa chất học_K67	
		Nguyễn Xuân Mạnh Cường	2221020081	Địa chất học_K67	
		Nguyễn Minh Đức	2221020064	Địa chất học_K67	

TT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
164	Ứng dụng phương pháp Insar trong nghiên cứu đánh giá nguyên nhân sụt lún năm 2023 khu vực Đồng Quang, Quốc Oai	Nguyễn Thị Phương Anh	2221020038	Địa chất học_K67	Vũ Anh Đạo
		Đỗ Quang Hà	2221020004	Địa chất học_K67	
		Lê Thành Đạt	2221020047	Địa chất học_K67	
165	Nghiên cứu tiềm năng phát triển du lịch địa chất - khai thác mỏ. Ví dụ một số mỏ than khu vực Cẩm Phả, Quảng Ninh	Nguyễn Thanh Chúc	2221020009	Du lịch địa chất_K67	Đỗ Mạnh An
		Trần Thị Huyền Trang	2221020096	Du lịch địa chất_K67	
		Nguyễn Thị Hồng Hoa	2221020041	Du lịch địa chất_K67	
		Trần Thị Thu Phương	2221020120	Du lịch địa chất_K67	
166	Nghiên cứu đặc điểm cổ kết của đất bùn sét khu vực Dự án Nhà máy sản xuất nhựa polyester Cái Mép và phân tích dự báo độ lún cổ kết dưới tải trọng do cốt cao san nền.	Đoàn Mạnh Cường	2121020028	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật_Khóa 66	Bùi Văn Bình
		Phạm Minh Đức	2121020055	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật_Khóa 66	
		Vũ Minh Khánh	2121020008	KT địa chất 02 K66	
167	Nghiên cứu ứng dụng thí nghiệm Dilatometer (DMT) xác định sức kháng cắt không thoát nước của đất yếu khu vực cảng Cái Mép	Nguyễn Đức Tân	2121020043	Địa kỹ thuật xây dựng_K66	Nguyễn Văn Phóng
		Hoàng Văn Thinh	2121020062	Địa kỹ thuật xây dựng_K66	
		Lê Quang Tấn	2121020034	Địa kỹ thuật xây dựng_K66	
		Nguyễn Sơn Bá	2221020049	Địa kỹ thuật xây dựng_K67	
		Nguyễn Tuấn Quang	2221020036	Địa kỹ thuật xây dựng_K67	
168	Nghiên cứu ứng dụng xây dựng bản đồ kiểm kê trượt lở bằng các công cụ miễn phí ảnh viễn thám và google earth engine cho tỉnh Lào Cai.	Dương Tiến Mạnh	2321020100	Địa kỹ thuật xây dựng_K68	Nguyễn Thị Nụ
		Phùng Thị Thanh Thúy	2321020052	Địa kỹ thuật xây dựng_K68	
		Nguyễn Thị Hồng Ngọc	2321020039	Địa kỹ thuật xây dựng_K68	
		Vi Văn Đại	2321020019	Địa kỹ thuật xây dựng_K68	
		Lý Duy Nam	2121020019	Địa kỹ thuật xây dựng_K66	
169	Nghiên cứu sử dụng phần mềm ADONIS trong giải quyết một số bài toán địa kỹ thuật	Nguyễn Khánh Ly	2121020058	Địa kỹ thuật xây dựng_K66	Dương Văn Bình
		Vũ Bảo	2121020061	Địa kỹ thuật xây dựng_K66	
		Đoàn Mạnh Quỳnh	2121020003	Địa kỹ thuật xây dựng_K66	
170	Nghiên cứu mối quan hệ giữa một số thí nghiệm địa kỹ thuật hiện trường và trong phòng ở khu vực Hà Nội	Nguyễn Văn Thắng	2121020036	Địa kỹ thuật xây dựng_K66	Nguyễn Văn Hùng
		Nguyễn Ngọc Thịnh	2121020083	Địa kỹ thuật xây dựng_K66	
		Nguyễn Xuân Quý	2121020015	Địa kỹ thuật xây dựng_K66	
		Nguyễn Hoàng Đức Anh	2121020036	Địa kỹ thuật xây dựng_K66	
171	Nghiên cứu ứng dụng thiết bị xuyên Pocket Penetrometer xác định cường độ kháng nén 1 trục nở hông của đất loại sét	Nguyễn Hữu Việt	2121020076	Địa kỹ thuật xây dựng_K66	Nguyễn Thành Dương
		Dương Trung Kiên	2121020006	Địa kỹ thuật xây dựng_K66	
		Trần Duy Dũng	2121020037	Địa kỹ thuật xây dựng_K66	
		Phan Anh Tú	2321020026	Địa kỹ thuật xây dựng_K68	
		Nguyễn Thành Đạt	2321020032	Địa kỹ thuật xây dựng_K68	